TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27/6/2019.
V/v: Ly hôn giữa chị Y và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Quàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2019 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị QTY, sinh năm 1993, trú tại: Bản H, xã MB, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh TVT, sinh năm 1986, trú tại: Bản H, xã MB, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị QTY trình bày:

Chị và anh TVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 22/12/2009 có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh TVT không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Đến tháng 02/2019

hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị QTY xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh TVT.

Về con chung: Có hai cháu là TTV, sinh ngày 25/5/2013 và TVA, sinh 23/8/2015. Hiện nay hai con đang ở với chị, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh TVT cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Do anh TVT nghiện ma túy đã bán phát tán hết, không còn gì, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chị QTY có một xe máy nhãn hiệu YAMAHA, BKS 26B2-335.49 đăng ký mang tên chị, chị xin được sở hữu.

Về nợ: Trong đơn khởi kiện có nợ, nhưng chị đã trả hết, chị đã xuất trình các biên bản trả nợ xong, nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh TVT trình bày: Tại lời khai trong phiên hòa giải cơ sở anh TVT xác nhận quan hệ hôn nhân với chị QTY. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị QTY. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị QTY trình bày là đúng. Nay chị QTY xin ly hôn anh không nhất trí.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 4 Điều 59; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ để xử cho chị QTY được ly hôn anh TVT;

Về con chung: Giao cho chị QTY trực tiếp nuôi hai cháu TTV, sinh ngày 25/5/2013 và TVA, sinh 23/8/2015. Chị QTY không yêu cầu anh TVT cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận;

Về tài sản riêng chị QTY được sở hữu một xe máy nhãn hiệu YAMAHA, BKS 26B2-335.49, mang tên QTY;

Về tài sản chung, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Chị QTY phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh TVT sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bầy nguyện vọng, anh TVT đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Công an xã MB, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh TVT.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị QTY và anh TVT có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh TVT không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy. Chị QTY và anh TVT đã sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Tại thời điểm kết hôn ngày 22/12/2009, chị QTY sinh năm 1993 chưa đủ điều kiện kết hôn (chưa đủ tuổi), nay chị QTY yêu cầu ly hôn anh TVT, nên cần căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016. Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, để giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị QTY và anh TVT đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị QTY yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị QTY được ly hôn anh TVT.

[3] Về con chung: Có hai cháu là TTV, sinh ngày 25/5/2013 và TVA, sinh 23/8/2015. Hiện nay hai con đang ở với chị QTY, chị QTY có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh TVT cấp dưỡng nuôi con. Do anh TVT được xác định nghiện ma túy, cần chấp nhận yêu cầu của chị QTY được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu anh TVT cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Được xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Chị QTY có một xe máy nhãn hiệu YAMAHA, BKS 26B2-335.49 đăng ký mang tên chị, chị xin được sở hữu, cần chấp nhận.

[6] Về nợ: Những người nợ đã được chị QTY thanh toán trả xong và nộp cho Tòa án biên bản đã trả nợ xong, cần chấp nhận để không xem xét giải quyết. Đối với khoản nợ bà Quàng Thị Inh (mẹ chị QTY) bà Quàng Thị Inh xác định không đòi lại số tiền nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết, cần chấp nhận.

Chị QTY phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 4 Điều 59; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị QTY được ly hôn anh TVT.

2. Về con chung: Giao cho chị QTY trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu là TTV, sinh ngày 25/5/2013 và TVA, sinh 23/8/2015. Anh TVT không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản riêng: Chị QTY được sở hữu một xe máy nhãn hiệu YAMAHA, BKS 26B2-335.49, mang tên QTY.

4. Về tài sản chung, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Chị QTY phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000863 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị QTY được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 27/6/2019. Anh TVT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã MC, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.